

Bản án số: 05/2022/ST-DS

Ngày 16-8-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Ngọc Mạnh.

2. Ông: Sùng A Cở.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã sa pa tham gia phiên tòa: Bà Lò Kim Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 7 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Mạnh C, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 03, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Bà: Bùi Thị M, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

ĐKKHKT: Đội 10, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Cùng nơi ở: Tổ 02, phường Ô, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, ông Lê Mạnh C ký hợp đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm

triệu đồng), lãi suất theo lãi suất Ngân hàng V, thời hạn vay là 01 năm. Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng S. Ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M trả lãi hàng tháng đến ngày 22 tháng 02 năm 2022 thì không thực hiện trả, ông Lê Mạnh C yêu cầu nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M không trả tiền gốc và lãi suất. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải trả khoản tiền vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để lấy ý kiến nhưng ông bà không có mặt cũng không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh C buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải liên đới trả khoản tiền vay, số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lê Mạnh C có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M, có địa chỉ sinh sống tại tổ 02, phường Ô, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là giao dịch dân sự, mối quan hệ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa tiến hành tố tụng Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật, để lấy ý kiến của ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M trình bày ý kiến và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M đều vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M để tham gia phiên tòa xét xử đảm bảo việc xét xử vụ án được khách quan đúng quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M đều vắng mặt không lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Qua lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ, thể hiện tại Hợp đồng vay tiền ghi ngày 25 tháng 9 năm 2020, ông Lê Mạnh C cho ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), lãi suất theo lãi suất Ngân hàng V, thời hạn vay là 01 năm. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản, giữa bên cho vay tiền ông Lê Mạnh C với bên vay tiền ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M, ký kết là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc có chữ ký của người cho vay tiền, chữ ký của người vay tiền và được công chứng tại Văn phòng công chứng Sa Pa là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng, ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M đã vi phạm cam kết trong hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, về việc có vay tiền hay không vay tiền của ông Lê Mạnh C khoản tiền nêu trên, thực hiện nghĩa vụ như thế nào nhưng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M không ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền ngày 25 tháng 9 năm 2020, ông Lê Mạnh C cho ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) nên chấp nhận yêu cầu của ông Lê Mạnh C, buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 18, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh C như sau: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Mạnh C, số tiền vay nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án ông Lê Mạnh C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Lê Mạnh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Lê Mạnh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 25.500.000 đồng (Hai mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng) do ông Lê Mạnh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004946 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị M phải liên đới phải chịu số tiền là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TX;
- THADS TX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà